TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 16-7-2020.
V/v: Hủy kết hôn trái pháp luật và tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh Luyện**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phùng Ngọc Tuấn**
2. Bà **Trần Thị Hoài**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Trần Thị Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thu Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2020/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc "Hủy kết hôn trái pháp luật và Tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* Chị **Tương Thị H –** Sinh ngày 25 tháng 11 năm 1990; Dân tộc: Dao; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 07/12; Nơi ĐKHKTT: Thôn Nặm Tẹ, xã Phương T, huyện V, tỉnh H. Chỗ ở hiện nay: Thôn Làng Nùng, xã Đạo Đ, huyện V, tỉnh H (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Trương Văn T** - Sinh năm: 1983; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Dao; Trình độ văn hóa: 05/12; Địa chỉ: Thôn Nặm Tẹ, xã Phương T, huyện V, tỉnh H (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VU ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 12-5-2020 và cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Tương Thị H trình bày: Chị H và anh Trương Văn T trước khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện về chung sống với nhau từ đầu năm 2006. Nhưng đến ngày 13-9-2007 vợ, chồng mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phương T, huyện V, tỉnh H. Sau khi kết hôn vợ,

chồng chung sống hòa thuận được 07 năm. Đến khoảng tháng 09-2014 vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau vợ, chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị H với anh Trương Văn T vì khi đăng ký kết hôn chị H chưa đủ tuổi theo quy định để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị có 03 con chung:

Cháu Trương Thị Thu H, sinh ngày 09-12-2006;

Cháu Trương Thu Th, sinh ngày 19-4-2009;

Cháu Trương Đức V, sinh ngày 24-11-2012.

Hiện nay các cháu đang ở với anh Trương Văn T, tại Thôn Nặm Tẹ, xã Phương T, huyện V, tỉnh H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng giao cháu H, cháu Th, cháu V cho anh Trương Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Văn T khai tại biên bản ghi lời khai ngày 02-7-2020 và các lời khai tại Tòa án: Anh T và chị Tương Thị H trước khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện về chung sống với nhau từ đầu năm 2006. Nhưng đến ngày 13-9-2007 vợ chồng anh mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phương T, huyện V, tỉnh H. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hòa thuận. Đến khoảng tháng 09-2014, vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình anh có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau vợ, chồng anh đã sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật, anh T hoàn toàn nhất trí để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 03 con chung:

Cháu Trương Thị Thu H, sinh ngày 09-12-2006;

Cháu Trương Thu Th, sinh ngày 19-4-2009;

Cháu Trương Đức V, sinh ngày 24-11-2012.

Hiện nay các cháu đang ở với anh T tại Thôn Nặm Tẹ, xã Phương T, huyện V, tỉnh H. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do chị H yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật thuộc trường hợp tòa án không được hòa giải về quan hệ hôn nhân. Tòa án đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Chị Tương Thị H có đơn xin giải quyết vắng mặt ghi ngày 07 tháng 07 năm 2020. Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử

công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt của chị Tương Thị H và các tài liệu kèm theo. Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị với anh T. Về con chung khi ly hôn chị H có nguyện vọng giao cháu H, cháu Th, cháu V cho anh Trương Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi theo nguyện vọng của các con, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản và công nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh T vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố toàn bộ nội dung biên bản lấy lời khai anh T có quan điểm nhất trí hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh T với chị H. Về con chung: Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản và công nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng Điều 9; khoản 3 Điều 15 và Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Thông tư số: 01/2016 ngày 06-01-2016 của TAND - TC - VKS ND - TC hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Đề nghị HĐXX xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Hủy kết hôn trái pháp luật và tranh chấp nuôi con" của chị Tương Thị H đối với anh Trương Văn T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Tương Thị H và anh Trương Văn T.

3. Về con chung: Giao cháu Trương Thị Thu H, sinh ngày 09-12-2006; Cháu Trương Thu T, sinh ngày 19-4-2009; Cháu Trương Đức V, sinh ngày 24-11-2012 cho anh Trương Văn T. Địa chỉ: Thôn Nặm Tẹ, xã Phương T, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H, cháu Th, cháu V

trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 16-7-2020. Chị Tương Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

4. Về tài sản, công nợ chung: Chị H, anh T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí; Quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Tương Thị H về việc hủy kết hôn trái pháp luật với anh Trương Văn T được Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tương Thị H và anh Trương Văn T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện về chung sống với nhau từ đầu năm 2006 và có đăng ký kết hôn vào 13-9-2007 tại Ủy ban nhân dân xã Phương T, huyện V, tỉnh H. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hòa thuận. Đến khoảng tháng 09/2014, vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình chị H và anh T có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau vợ, chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, hai bên đều có nguyện vọng được ly hôn đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật vì chị H khi kết hôn chưa đủ tuổi đăng ký.

[3] Tòa án căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa chị Tương Thị H và anh Trương Văn T lập ngày 13-9-2007 Tòa án thấy rằng tại thời điểm chị H và anh T đăng ký kết hôn chị Tương Thị H mới 16 tuổi 09 tháng 18 ngày, chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị H hủy kết hôn trái pháp luật lập ngày 13-9-2007 của Ủy ban nhân dân xã Phương T, huyện V, tỉnh H. Theo khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 theo đề nghị được ly hôn của các bên đương sự. Căn cứ khoản 3 Điều 15 và Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 3 Điều 4 TTLT số 01/2016 ngày 06-01-2016 của TAND - TC -VKS ND - TC hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị H, anh T có ba con chung gồm cháu Trương Thị Thu H, sinh ngày 09-12-2006; Cháu Trương Thu Th, sinh ngày 19-4-2009; Cháu Trương Đức V, sinh ngày 24-11-2012

[5] Tòa án xét thấy nguyện vọng của các cháu H, cháu Th, cháu V, xin được ở với bố, anh T cũng nhận nuôi các con, để đảm bảo cuộc sống cho các cháu cần phải giao cháu H, cháu Th, cháu V cho anh Trương Văn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H, cháu Th, cháu V trưởng thành đủ 18 tuổi kể

từ ngày 16-7-2020. Phù hợp với quan điểm của chị H đề nghị Tòa án giao cháu H, cháu Th, cháu V cho anh T nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Tương Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn. Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về tài sản, công nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Quyền kháng cáo: Chị Tương Thị H và anh Trương Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; khoản 3 Điều 15 và Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 "Quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc "Hủy kết hôn trái pháp luật và tranh chấp về nuôi con" của chị Tương Thị H đối với anh Trương Văn T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố "Hủy kết hôn trái pháp luật" giữa chị Tương Thị H và anh Trương Văn T được lập ngày 13-09-2007 của Ủy ban nhân dân xã Phương T, huyện V, tỉnh H.

3. Về con chung: Giao cháu Trương Thị Thu H, sinh ngày 09-12-2006; Cháu Trương Thu Th, sinh ngày 19-4-2009; Cháu Trương Đức V, sinh ngày 24-11-2012 cho anh Trương Văn T- Địa chỉ: Thôn Nặm Tẹ, xã Phương T, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H, cháu Th, cháu V trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 16-7-2020. Chị Tương Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

4. Về án phí: Chị Tương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02445 ngày 22 tháng 05 năm 2020. (Chị H nộp đủ án phí)

5. Quyền kháng cáo: Báo cho chị H, anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã Phương T-VX-HG
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lâm Anh Luyện

Thành viên hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**